TINH HOA TRÍ THỨC VIỆT ĐỒNG HÀNH CÙNG PHẬT GIÁO DÂN TỘC

Đinh Ngọc Tư

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, Việt Nam không chỉ tự hào vì truyền thống dựng nước và giữ nước oanh liệt, mà còn rạng danh bởi lớp lớp bậc trí thức – những người là tinh hoa trí tuệ, vừa thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, đem ánh sáng từ bi – trí tuệ soi rọi đời sống văn hóa, đạo đức và tinh thần của dân tộc. Từ thời Lý – Trần vàng son, đến thời Hậu Lê, Nguyễn… rồi bước sang kỷ nguyên hiện đại, giới tinh hoa trí thức đã chọn con đường hoằng truyền chánh pháp bằng trí tuệ và nhân cách siêu việt. Họ là hiện thân của sự hòa quyện giữa đạo và đời, của tinh thần nhập thế mà vẫn thanh cao siêu thoát – là niềm tự hào rạng rỡ trong dòng chảy Phật giáo và trí tuệ Việt Nam.

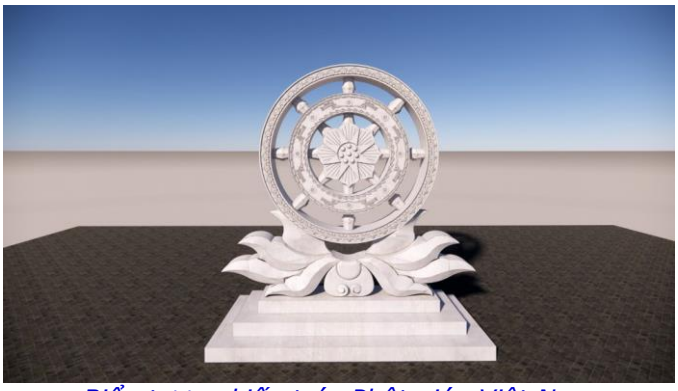

Biểu tượng kiến trúc Phật giáo Việt Nam

Lý Đạo Tái (1254–1334), người hương Vạn Tải, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang (hiện nay là xã Nhân Thắng, tỉnh Bắc Ninh) là người thông minh, học rộng, sinh trưởng trong gia đình kính tín Phật pháp. Ngài đỗ Trạng nguyên lúc chưa đầy 30 tuổi. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ nhiệm làm quan ở Viện nội hàn, nổi tiếng am hiểu Phật pháp được đón tiếp nhà sư Trung Hoa. Ở tuổi 51, ông từ quan, xuất gia tu hành lấy hiệu là **Huyền Quang**, sống cuộc đời thanh bạch giản dị, đạo hạnh, một lòng phụng đạo. Huyền Quang đã góp phần làm hưng thịnh Phật giáo Việt Nam thời Trần. Người đời tôn vinh ông là Tổ thứ ba dòng Phật giáo Trúc Lâm.

Lê Ích Mộc (1458 – 1538), người làng Thanh Lãng, tên Nôm là Ráng, tổng Phù Lưu, huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, xứ Hải Dương (hiện nay là phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng). Ông nguyên là người ăn chay niệm Phật, đỗ Trạng nguyên năm 44 tuổi, làm quan đến chức Thị lang. Nhờ có đóng góp nhất định của Lê Ích Mộc, đạo Phật thời Mạc đã phát triển trở lại.

Vũ Trinh (1759 – 1828), là người thôn Thọ Diên, xã Xuân Lan, tổng Lâm Thao, huyện Lương Tài, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc xưa (hiện nay là thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh). Vũ Trinh nổi tiếng thần đồng, sách nhìn qua một lượt là đọc được, Sử liệu cho biết: "Vũ Trinh thiên tư dĩnh ngộ, thuở nhỏ đã có thanh danh". Năm 1775, Vũ Trinh đỗ Thủ khoa khoa thi Hương tiến, lúc mới 16 tuổi. Ông thi Hội đậu Tam trường, và do bạo loạn xã hội cuối thời Lê – Trịnh nên các Cống sĩ không còn được dự các khoa thi chọn Đại khoa, tuy nhiên Sử sách cho biết Vũ Trinh đã nổi tiếng hơn nhiều các Tiến sĩ Nho học. Ông làm quan tới Tham tri Chính sự (Á tướng) lúc chưa đầy 30 tuổi lúc còn rất trẻ. Sau không hợp tác với triều đại Tây Sơn mà cùng các danh sĩ lớn tham gia thành lập Trúc Lâm thiền viện tại phố Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Khi ấy, Vũ Trinh xuất gia lấy **hiệu Hải Âu**, viết các bài luận trong tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh chứa đựng nhiều triết lý của Phật giáo và Nho giáo, khiến hai học thuyết đi sóng với nhau, tạo nên một căn bản vững vàng để cùng xây dựng một nền tảng triết lý nhân sinh. Sau ông được triều Nguyễn vời ra làm quan đến Chánh sứ đi sang nước Đại Thanh, Hình bộ hữu Tham tri có công lao chính trong biên soạn bộ Nguyễn triều hình luật. Ông được coi là bậc Nho – Thích tinh hoa, và được đánh giá là danh nhân tiêu biểu người Bắc Ninh thời Nguyễn.

Lê Đình Thám (1897 – 1969) quê xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (hiện nay là xã Điện Quang, tỉnh Quảng Nam). Ông thông minh từ nhỏ. Thời kỳ đi học, từ Tiểu học, Trung học đến Đại học, Lê Đình Thám luôn đứng đầu lớp và chiếm giải Khôi nguyên trong tất cả các kỳ thi.

Bài viết trên tạp chí Quốc Học – Huế, kể lại câu chuyện: *Lê Đình Thám đã giải một bài toán mà thầy dạy là ông Le Bris (người Pháp) không giải được, khiến ông này vô cùng thán phục và đã nhấc bổng trò Thám lên cao mà nói to: "Đây là thầy của tôi". Cũng trong bài viết này, ông Lê Thanh Cảnh còn kể lại, bác sĩ Thám có một thiên năng nhớ bài rất nhanh, chỉ nhẩm qua hai lần là thuộc không sót một chữ*. Ông cùng với bác sĩ người Pháp là ông Normet đã phát minh ra Sérum Normet (dịch truyền) được giới y khoa Pháp – Việt đương thời rất trọng vọng. Năm 1928, do thấu hiểu bài kệ của lục tổ Huệ Năng mà bác sĩ Lê Đình Thám quy y Tam bảo, ăn trường chay từ đó và nghiên cứu học hỏi kinh điển Phật giáo để hoằng hóa giúp đời. Với chí nguyện như trên, ông được thọ tam quy ngũ giới với Hòa thượng Giác Tiên, pháp danh là **Tâm Minh**. Bác sĩ có nhiều công lao truyền bá giáo lý Phật đà và thông tin các hoạt động Phật sự.

Đinh Văn Nam (1918–2012) quê làng Kim Thành, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (hiện nay là phường Vĩnh Điện, tỉnh Quảng Nam). Ông xuất gia năm 1946 với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết tại chùa Tường Vân (Huế) lấy pháp danh **Thích Minh Châu** lúc đó ông 28 tuổi. Từ năm 1952 đến năm 1961, ông du học và đậu thủ khoa bậc PhD Phật học với luận án "So sánh Tạng Pàli Trung Bộ Kinh với Tạng Hán A Hàm" (The Chinese Madhyama Agama and the Pàli Majjhima Nikàya – A Comparative Study) tại Đại học Phật giáo Nalanda (Ấn Độ). Năm 1989, ông thành lập và làm viện Trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Hội đồng Phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam. Ông có nhiều công lao trong biên dịch các tác phẩm Phật giáo sang tiếng Việt.

Lê Mạnh Thát (sinh năm 1944), quê làng Cu Hoan, xã Hải Thiện, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị) xuất gia từ nhỏ nhưng để tóc, pháp danh **Thích Trí Siêu**. Ông học ngành Triết học, có bằng PhD tại Hoa Kỳ với luận văn bàn về Triết học của triết gia Phật giáo Ấn Độ nổi tiếng Vasubandhu. Ông từng làm Giáo sư cho Đại học Vạn Hạnh. Trong Đại lễ Phật đản Vesak 2008 tại Việt Nam, ông là Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế. Hiện nay ông là Phó Viện trưởng – Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông học nhiều ngôn ngữ và có nhiều đóng góp trong Sử học, Phật giáo, Triết học Phật giáo và được coi là nhà sư uyên bác bậc nhất Việt Nam.

Thủ khoa hiện đại **Vũ Tú** (sinh năm 1987), quê thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh có chung dòng họ với Hải Âu **Vũ Trinh**. Vũ Tú là người rất thông minh, học rộng, đỗ đầu rất nhiều bài thi thời Đại học và đạt danh hiệu Thủ khoa tốt nghiệp Đại học, được nhiều lần vinh danh và tặng học bổng. Anh đã quy y Tam bảo với hiệu Thiện Tài, và có nhiều năm làm việc điêu khắc trong đó anh khắc rất nhiều hình tượng Phật giáo trên đá. Công việc của anh đòi hỏi người nghệ sĩ phải tạo hình tượng đủ hảo tướng, góp phần hoằng truyền Phật giáo mang lợi lạc cho cộng đồng xã hội. Vũ Tú được truyền thông gọi là Khôi nguyên trong giới Nghệ thuật, là "hoa trạng nguyên" trong giới điêu khắc, và được tạp chí Việt Nam Văn Hiến xếp vào mục Người Việt ưu tú.

Từ Lý Đạo Tái (Tổ thứ ba Thiền phái Trúc Lâm), Lê Ích Mộc (bậc hiền sĩ thời Mạc), đến Vũ Trinh (tinh hoa Nho – Thích thời Lê – Nguyễn), và những trí thức lớn hiện đại như Lê Đình Thám, Thích Minh Châu, Lê Mạnh Thát, cho tới nhà điêu khắc Phật giáo đương đại Vũ Tú – tất cả đã và đang góp phần làm rạng rỡ tinh thần Phật giáo Việt Nam. Họ không chỉ là những con người lỗi lạc trong khoa danh hay nghệ thuật, mà còn là những "ngọn đèn trí tuệ" soi sáng con đường đạo đức và khai mở tâm linh cho bao thế hệ. Tên tuổi họ sẽ còn mãi trong lòng dân tộc như những biểu tượng của trí tuệ, từ bi, và cốt cách văn hóa Việt Nam – một nền văn hóa thấm đẫm tinh thần Phật giáo mà vẫn đầy sức sống nhân văn, khai phóng và thăng hoa.

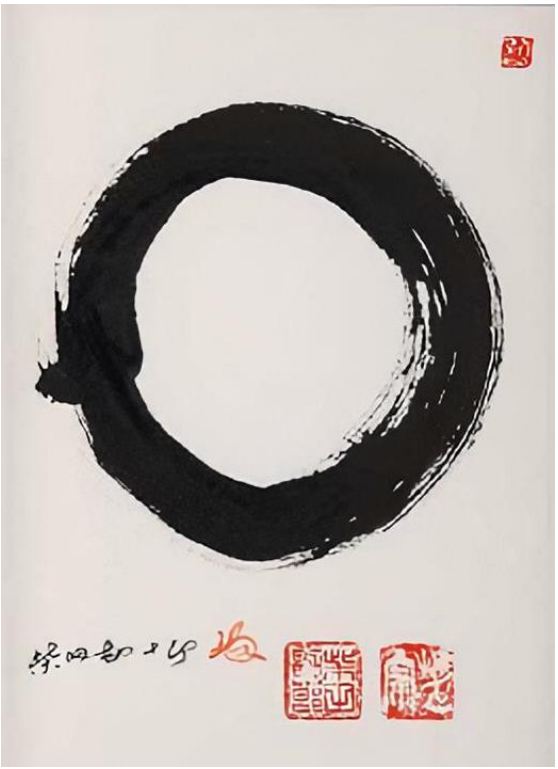

Biểu tượng của giác ngộ